|  |
| --- |
| **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC:**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian làm bài:60** *phút (không kể thời gian giao đề)* |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8 câu; 2,0 điểm)**

**Câu 1:** Dãy núi ngăn cách châu Á với châu Âu là

**A.** U-ran. **B.** Hi-ma-lay-a.

**C.** An-đét. **D.** Cooc-đi-e.

**Câu 2:** Đới khí hậu nào chiếm diện tích lớn nhất châu Âu?

**A.** Nhiệt đới. **B.** Ôn đới.

**C.** Hàn đới. **D.** Cận nhiệt đới.

**Câu 3:** Quốc gia nào sau đây **không** thuộc khu vực Đông Á?

**A.** Trung Quốc. **B.** Nhật Bản.

**C.** Hàn Quốc. **D.** Ấn Độ.

**Câu 4:** Miền địa hình ở giữa khu vực Nam Á là

**A.** sơn nguyên Đê-can. **B.** đồng bằng Ấn Hằng.

**C.** sơn nguyên I - ran. **D.** hệ thống Hi-ma-lay-a.

**Câu 5:** Kiểu khí hậu phổ biến ở khu vực Trung Á là

**A.**ôn đới gió mùa. **B.** nhiệt đới khô.

**C.** ôn đới lục địa. **D.** nhiệt đới gió mùa.

**Câu 6:** Hai con sông lớn của khu vực Tây Á là

**A.** Ô-bi và Lê-na. **B.** Ấn và Hằng.

**C.** Hoàng Hà và A-mua. **D.** Ti-grơ và Ơ-phrat.

**Câu 7:** Châu Phi là châu lục có diện tích lớn thứ mấy trên thế giới?

**A.** 1 **B.** 2.

**C.** 3. **D.** 4

**Câu 8:** Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là

**A.** Bồn địa và sơn nguyên. **B.** Sơn nguyên và núi cao.

**C.** Núi cao và đồng bằng. **D.** Đồng bằng và bồn địa.

**II. TỰ LUẬN (3 câu; 3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm)**

a. Vì sao các hoang mạc của châu Phi lan ra sát bờ biển?

b. Dân số tăng nhanh gây khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội châu Phi?

**Câu 2 (1,0 điểm)**

Cho biết sự khác biệt về cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo và môi trường nhiệt đới châu Phi.

**Câu 3(0,5 điểm)**

Nêu một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

**---Hết---**

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN CHÂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC:**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7** |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8 câu; 2,0 điểm)**

*(Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | A | 5 | C |
| 2 | B | 6 | D |
| 3 | D | 7 | C |
| 4 | B | 8 | A |

**II. TỰ LUẬN (3 câu; 3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1 (1,5 điểm)** | **a. Vì sao các hoang mạc của châu Phi lan ra sát bờ biển?** |  |
| - Có 2 đường chí tuyến chạy qua. | 0,25 |
| - Là một khối cao nguyên khổng lồ, đường bờ biển ít bị chia cắt, nhiều dãy núi ăn sát ra biển. | 0,25 |
| - Ảnh hưởng của các dòng biển lạnh ven bờ... | 0,25 |
| **b. Dân số tăng nhanh gây khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của châu Phi?** |  |
| - Làm chậm quá trình phát triển kinh tế. | 0,25 |
| - Chất lượng cuộc sống của người dân còn thấp; gây áp lực lên nguồn cung lương thực. | 0,25 |
| - Làm suy giảm một số tài nguyên, ô nhiễm môi trường.... | 0,25 |
| **Câu 2 (1,0 điểm)** | **Cho biết sự khác biệt về cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo và môi trường nhiệt đới châu Phi.** |  |
| |  |  | | --- | --- | | **Môi trường xích đạo** | **Môi trường nhiệt đới** | | - Trồng cây quanh năm, gối vụ và xen canh nhiều loại cây.  - Hình thành các khu vực chuyên canh cây công nghiệp. | - Canh tác nương rẫy, chăn nuôi chăn thả.  - Trồng cây ăn quả và cây công nghiệp với mục đích xuất khẩu.  - Khai thác xuất khẩu khoáng sản, một số nước phát triển công nghiệp chế biến. | | 1,0 |
| **Câu 3(0,5 điểm)** | **Nêu một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.** |  |
| - Gạo, hoa quả, thủy sản...  *(HS kể từ 03 nông sản khác xuất khẩu nhiều sang Nhật Bản vẫn cho điểm tối đa)* | 0,5 |

**---Hết---**

|  |
| --- |
| **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC:**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | |
| **1** | **CHÂU ÂU**  **(0,5 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  - Đặc điểm tự nhiên. | 2TN |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **CHÂU Á**  **(1,5 - 3,0 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  - Đặc điểm tự nhiên.  - Đặc điểm dân cư, xã hội.  - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á. | 4TN |  |  | 1TL\* |  |  |  | 1TL |
| **3** | **CHÂU PHI**  **(1,5 - 3,0 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi.  - Đặc điểm tự nhiên.  - Đặc điểm dân cư, xã hội.  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên.  - Khái quát về Cộng hoà Nam Phi. | 2TN |  |  | 1TL\* |  | 1TL |  |  |
| Số câu/ loại câu | | | 8 câu  TNKQ | | 1 câu TL | | 1 câu TL | | 1 câu TL | |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | |

|  |
| --- |
| **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC:**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| **1** | **CHÂU ÂU**  **( 0,5 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu.  - Đặc điểm tự nhiên. | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí châu Âu.  - Trình bày được đặc điểm khí hậu của châu Ấu. | 2TN |  |  |  |
| **2** | **CHÂU Á**  **(1,5 - 3,0 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  - Đặc điểm tự nhiên.  - Đặc điểm dân cư, xã hội.  - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á. | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  - Xác định được khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á.  **Thông hiểu**  - Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng cao**  - Kể tên được một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. | 4TN | 1TL\* |  | 1TL |
| **3** | **CHÂU PHI**  **(20-25% =**  **2,0 - 2,5 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi.  - Đặc điểm tự nhiên.  - Đặc điểm dân cư, xã hội.  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên. | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.  - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  **Thông hiểu**  - Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  - Phân tích được một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...  - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự ...  **Vận dụng**  - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. | 2TN | 1TL\* | 1TL |  |
| **Số câu/ loại câu** | | |  | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu TL | 1 câu TL |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |